TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 256 /2021/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 11 - 2021 V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46 /2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Hạnh, sinh năm 1985, cư trú tại: thôn Quảng Phúc, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn Thủy, sinh năm 1984, cư trú tại: thôn Quảng Phúc, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Hạnh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạnh và anh Cao Văn Thủy qua tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân vào ngày17/02/2005, sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì không còn hạnh phúc, mà tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc và vấn đề kinh tế; anh Thủy không tu chí làm ăn, hay giao du bạn bè, không quan tâm đến vợ con làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng, anh Thủy nghiện ma túy (mới đi cai nghiện tập trung về tháng 4 năm 2021). Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Sau khi anh Thủy đi cai nghiện tập trung về mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Hạnh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thủy.

Về con chung: Chị Hạnh xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Cao Thị Linh, sinh ngày 15/9/2005 và Cao Minh Quân, sinh ngày 08/5/2013; nguyện vọng của chị Hạnh là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Thủy phải cấp dưỡng vì hiện tại cả 02 con chung đang ở với chị Hạnh từ khi vợ chồng sống ly thân và sau khi anh Thủy đi cai nghiện bắt buộc, chị Hạnh có đủ khả năng về kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng chăm sóc.

Về tài sản và công nợ: Chị Hạnh xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Cao Văn Thủy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2021 cháu Cao Thị Linh và cháu Cao Minh Quân trình bày: Cháu Linh mong muốn bố mẹ đoàn tụ, còn trường hợp bố mẹ không thể hàn gắn được tình cảm, cháu Linh và cháu Quân xin được ở với mẹ vì hiện tại cháu Linh và cháu Quân đang ở với mẹ và đang được đi học tại xã Xuân Thiên.

Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2021, Ủy ban nhân dân xã Xuân Thiên cho biết: Anh Cao Văn Thủy và chị Trịnh Thị Hạnh có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thiên vào ngày 17/02/2005; quá trình chung sống anh Thủy và chị Hạnh có 02 con chung là CaoThị Linh, sinh ngày 15/9/2005 và Cao Minh Quân, sinh ngày 08/5/2013. Tình trạng hôn nhân giữa anh Thủy và chị Hạnh hiện tại đã sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Hạnh được ly hôn với anh Cao Văn Thủy; Về con chung: giao cháu

Cao Thị Linh và Cao Minh Quân cho chị Trịnh Thị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Cao Văn Thủy không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Trịnh Thị Hạnh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Hạnh khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Cao Văn Thủy, cư trú tại: xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Cao Văn Thủy đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Cao Văn Thủy nhưng anh Thủy thường xuyên không có mặt tại địa phương (Tòa án đã niêm yết các văn bản trên) nhưng anh Thủy không đến Tòa án làm việc; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị Hạnh và anh Cao Văn Thủy tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Hạnh và anh Thủy là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Hạnh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Thủy với ly do tình cảm vợ chồng giữa chị Hạnh và anh Thủy đã không còn hạnh phúc mà có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc và vấn đề kinh tế; anh Thủy không tu chí làm ăn, hay giao du bạn bè, nghiện ma túy, chị Hạnh và gia đình có khuyên bảo nhưng anh Thủy không thay đổi, nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng; chị Hạnh và anh Thủy đã sống ly thân từ năm 2016. Qúa trình giải quyết vụ án anh Thủy đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh Thủy không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hạnh và anh Thủy đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Hạnh, xử cho chị Trịnh Thị Hạnh được ly hôn với anh Cao Văn Thủy.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị Hạnh và anh Cao Văn Thủy có 02 (hai) con chung là Cao Thị Linh, sinh ngày 15/9/2005 và Cao Minh Quân, sinh ngày 08/5/2013.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị Hạnh, thấy rằng: cháu Cao Thị Linh và cháu Cao Minh Quân đang ở ổn định với chị Hạnh; cả 02 cháu đã trên 7 tuổi, tại bản tự khai ngày 31/01/2019 cháu Linh và cháu Quân thể hiện nguyện vọng xin được ở với chị Hạnh. Chị Hạnh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; trong khi anh Thủy quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệp tập nhiều lần, nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung. Do đó xét quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao cả 02 con chung là Cao Thị Linh và Cao Minh Quân cho chị Trịnh Thị Hạnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: anh Thủy không có lời khai trong hồ sơ, còn chị Hạnh không yêu cầu anh Thủy phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Hạnh, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Hạnh xác định để vợ chồng tự thỏa thuận , không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh Thủy chưa có lời khai trong hồ sơ, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết về phần tài sản và công nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Hạnh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Hạnh.

Chị Trịnh Thị Hạnh được ly hôn với anh Cao Văn Thủy.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị Hạnh và anh Cao Văn Thủy có 02 (hai) con chung là Cao Thị Linh, sinh ngày 15/9/2005 và Cao Minh Quân, sinh ngày 08/5/2013, hiện tại cả 02 con chung đang ở với chị Hạnh.

Giao cả 02 con chung là Cao Thị Linh và Cao Minh Quân cho chị Trịnh Thị Hạnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Hạnh không yêu cầu anh Cao Văn Thủy cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Văn Thủy có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Hạnh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hạnh đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006402 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Trịnh Thị Hạnh đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Thiên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đức

Giao cả 02 con chung là Cao Thị Linh và Cao Minh Quân cho chị Trịnh Thị Hạnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Hạnh không yêu cầu anh Cao Văn Thủy cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Văn Thủy có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Hạnh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hạnh đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006402 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Trịnh Thị Hạnh đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Sâm	Lê Đăng Thiện	Cao Hồng Đức